



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 48

Ngày 01 tháng 11 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 02-10-2015- Chỉ thị số 16/2015/CT-UBND về đẩy mạnh các giải pháp giải quyết vấn đề trường lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

- 07-10-2015- Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND v/v bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành. 9

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 05-10-2015- Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Bình Chánh. 11

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

- 30-9-2015- Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Nhà Bè. 44

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 18-9-2015- Quyết định số 4675/QĐ-UBND về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Cô Giang và một phần phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1. 46

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 30-9-2015- Quyết định số 6747/QĐ-UBND về bãi bỏ Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận. 56

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

- 01-10-2015- Quyết định số 8056/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức thuộc quận Gò Vấp. 58

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- 02-10-2015- Quyết định số 6203/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản Quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân huyện ban hành. 60

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2015/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2015***CHỈ THỊ****Về đẩy mạnh các giải pháp giải quyết vấn đề trường lớp
mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất**

Quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo, cùng với sự nỗ lực của các ngành, các cấp và nhân dân; trong những năm gần đây, giáo dục mầm non đã phát triển về quy mô, mạng lưới trường, lớp và chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ đến trường ở độ tuổi mầm non, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp một.

Từ năm 2008 đến nay, công tác chăm lo, phát triển giáo dục mầm non được các cấp, các ngành của Thành phố quan tâm thực hiện đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới trường lớp mầm non (bao gồm nhà trẻ, nhóm trẻ, trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non) được mở rộng, cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng mới khang trang, đáp ứng cơ bản nhu cầu nuôi dạy trẻ trên địa bàn Thành phố đã tăng về số lượng và ngày càng nâng cao về chất lượng. Giáo dục mầm non ngoài công lập phát triển nhanh, nhất là ở các quận, huyện có dân cư phát triển, khu đông dân cư đã góp phần làm giảm tình trạng quá tải trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, do tình hình tăng dân số cơ học diễn tiến quá nhanh dẫn đến số lượng trẻ trong tuổi mầm non tại các quận, huyện tăng cao, ở các địa phương có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất (sau đây gọi chung là khu công nghiệp) nhu cầu gửi trẻ ở độ tuổi mầm non, nhất là độ tuổi nhà trẻ (dưới 36 tháng tuổi) ngày càng tăng. Hệ thống các cơ sở giáo dục mầm non cả công lập và ngoài công lập tuy có tăng về số lượng nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, nhiều cơ sở

có chất lượng còn rất hạn chế. Việc đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập còn gặp nhiều khó khăn về đất đai và kinh phí xây dựng trường.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu:

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn Thành phố khi tham mưu xây dựng, phê duyệt quy hoạch phát triển khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố phải có quy hoạch về nhà ở cho người lao động trong khu công nghiệp, bố trí quỹ đất theo quy định tại Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế để xây dựng nhà ở cho người lao động, trong đó phải có một phần diện tích đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện

a) Rà soát, đánh giá và chỉ đạo thực hiện nghiêm các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, vốn vay và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non phục vụ nhu cầu của cán bộ và công nhân khu công nghiệp. Đối với các khu công nghiệp đang hoạt động nghiên cứu dành quỹ đất để xây dựng trường mầm non.

b) Tham mưu các chính sách đặc thù của địa phương, trong đó chú ý chính sách thu hút nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp để khuyến khích cá nhân, tổ chức phát triển cơ sở giáo dục mầm non.

c) Xây dựng cơ sở vật chất cho thuê để thành lập các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập với phí cho thuê hợp lý, đủ khuyến khích ở những nơi không thể phát triển cơ sở giáo dục mầm non công lập.

d) Bố trí kinh phí đầy đủ, kịp thời và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện các mục tiêu của Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 và Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước trên địa bàn; rà soát, nắm chắc tình hình hoạt động của các trường, lớp mầm non, nhất là hoạt động của nhóm, lớp mầm non tư thục, các nhóm trẻ gia đình tại địa phương. Đặc biệt trong các khu công nghiệp.

e) Chủ trì phối hợp với Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp dành quỹ đất và triển khai nhanh chóng việc xây dựng các trường mầm non trong các khu công nghiệp phục vụ nhu cầu gửi trẻ của công nhân trên địa bàn.

3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Rà soát, đánh giá và tham mưu việc thực hiện nghiêm cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non phục vụ nhu cầu của cán bộ và công nhân khu công nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 và Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động Thành phố và các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan đơn vị, công ty, trường học và các đơn vị trên địa bàn Thành phố nghiên cứu, xây dựng chính sách phát triển cơ sở giáo dục mầm non ở các khu công nghiệp trong quá trình xây dựng chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

d) Chủ trì tăng cường các biện pháp quản lý cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt là các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn thành phố, đảm bảo môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ lành mạnh, thân thiện và an toàn. Hàng năm chủ trì tổ chức các đoàn công tác liên ngành kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành, quận - huyện, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố đẩy nhanh tiến độ xây dựng các trường mầm non, đặc biệt là tiến độ dành đất xây dựng các trường mầm non trong các khu công nghiệp

của Thành phố. Tham mưu đề xuất các chính sách đặc thù, phù hợp với tình hình thực tế của thành phố, trong đó, chú ý chính sách thu hút nguồn nhân lực từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp để khuyến khích cá nhân, tổ chức phát triển cơ sở giáo dục mầm non.

4. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các đơn vị liên quan rà soát các khu công nghiệp có khó khăn về nhà ở cho người lao động trên cơ sở đó, phối hợp với các Sở ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện nghiên cứu, tham mưu, đề xuất việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết để dành một phần diện tích đất cho việc xây dựng trường, lớp mầm non, đảm bảo đến năm 2020, đáp ứng cơ bản nhu cầu, trường lớp mầm non ở các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu việc bố trí kinh phí đầy đủ, kịp thời và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện các mục tiêu của Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 và Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ưu tiên ngân sách cho giáo dục mầm non trong tổng chi ngân sách địa phương giao cho giáo dục hàng năm để hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho thuê, cho mượn ở những nơi thực sự có nhu cầu cao về trường, lớp mầm non, trong đó có các Khu Công nghiệp, đồng thời đảm bảo không tăng biên chế giáo viên mầm non.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo cân đối vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, huy động vốn ODA và các nguồn vốn khác hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục mầm non theo các chương trình, đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất để bảo đảm quỹ đất cho nhu cầu xây dựng cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn;

ban hành các quy định cụ thể về ưu tiên và đẩy nhanh tiến độ xét duyệt cấp đất xây dựng trường học.

8. Sở Xây dựng

Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, ban hành các quy chuẩn, tiêu chí kỹ thuật, thiết kế mẫu đối với khu nhà ở của công nhân đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu công nghiệp, để các địa phương và các đơn vị có liên quan căn cứ áp dụng. Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các Chủ đầu tư trong việc xây dựng trường mầm non từ đất hạ tầng xã hội trong khu công nghiệp, đất tách ra từ khu công nghiệp và đất từ khu dân cư liền kề khu công nghiệp.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn cụ thể về chính sách đối với lao động nữ quy định tại Khoản 6 Điều 153 và Khoản 4 Điều 154 Bộ Luật Lao động, trong đó chú trọng đối với lao động tại các khu công nghiệp.

b) Chỉ đạo, tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, trong đó lưu ý đến các khu công nghiệp.

10. Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tập trung tháo gỡ khó khăn, tích cực thúc đẩy phát triển mạng lưới trường lớp, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trường học, nhất là các trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp. Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giáo dục tại địa phương nhằm xây dựng thêm các trường mầm non tại các khu công nghiệp.

11. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông định hướng cho các cơ quan báo chí và thông tin truyền thông Thành phố tuyên truyền các chủ trương của Thành phố đối với giáo dục mầm non nói chung và giáo dục mầm non tại các khu công nghiệp nói riêng, quan tâm giới thiệu những điển hình tốt và các công tác tháo gỡ khó khăn, tích cực thúc đẩy phát triển mạng lưới trường lớp, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trường học tại các khu công nghiệp, thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giáo dục tại địa phương về xây dựng các trường mầm non tại các khu công nghiệp.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố và các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền về thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị này, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2015/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 07 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn TPHCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 166/TTr-TP ngày 24 tháng 9 năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 02 văn bản đã hết hiệu lực pháp luật gồm:

- Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách của Quận 2014;

- Chỉ thị số 01/2006/CT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2006 về một số biện pháp tăng cường triển khai thi hành Luật đất đai.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Trưởng các phòng ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Thị Hồng Liên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2015/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 05 tháng 10 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn huyện Bình Chánh****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị

định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Báo cáo số 791/BC-TP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Trưởng phòng Tư pháp huyện Bình Chánh và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện Bình Chánh, tại Tờ trình số 1595/TTr-NV ngày 28 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Bình Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Quận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Bình Chánh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10
năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung thi đua và phương thức tổ chức phong trào thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng; trách nhiệm quản lý Nhà nước và thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; tổ chức trao thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; xử lý các vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng thi đua, khen thưởng

Bao gồm tất cả các tổ chức, tập thể, cá nhân: Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài tại địa phương huyện Bình Chánh có thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển địa phương huyện Bình Chánh; các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, các hội quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần, các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Huyện có công trạng và thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển huyện Bình Chánh, đều được Ủy ban nhân dân Huyện xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 3. Những nguyên tắc chung trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, xây dựng, chỉ đạo phong trào thi đua, tổ chức thực hiện giao ước thi đua giữa các

Cum, Khối thi đua; tổ chức phát động thi đua, đăng ký giao ước thi đua gắn với nhiệm vụ, công tác được giao. Theo năm kế hoạch và từng đợt thi đua, đợt vận động, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn phải có trách nhiệm xem xét, đánh giá, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua để xét chọn những tập thể và cá nhân trong đơn vị đã lập thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để biểu dương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng, chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Tập thể, cá nhân lập được công trạng, thành tích trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển nền kinh tế, xã hội của Huyện đều được xét đề nghị khen thưởng. Các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phải có trách nhiệm phát hiện, xem xét các tập thể, cá nhân có thành tích, kịp thời động viên, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng. Không bỏ sót tập thể, cá nhân có thành tích; khen thưởng những tập thể, cá nhân không có thành tích hoặc chưa đủ thành tích, điều kiện để khen thưởng.

3. Hoạt động thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

4. Công tác khen thưởng thực hiện trên nguyên tắc chính xác, dân chủ, công khai, công bằng và kịp thời và có tác dụng động viên, nêu gương. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Khen thưởng tập thể nhỏ, cá nhân là chính. Quan tâm, chú trọng khen thưởng cá nhân là đối tượng trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, hộ gia đình, đơn vị cơ sở; khen thưởng các tổ chức, cá nhân ngoài khu vực nhà nước; khen thưởng gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm cứu người cứu tài sản; cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức công tác trong các lĩnh vực trọng tâm, trọng yếu, khó khăn, độc hại, nguy hiểm; tập thể từ yếu kém vươn lên.

5. Việc xét các tiêu chuẩn khen thưởng phải đảm bảo phù hợp, thành tích phải tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với công lao đóng góp, cống hiến cho Huyện, Thành phố; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức khen thưởng càng cao, không nhất thiết phải từ mức thấp đến mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước

để nâng mức khen lần sau. Một hình thức khen thưởng có thể được xét tặng nhiều lần cho một đối tượng, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

6. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, phát hiện, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng cho cấp dưới trực tiếp, trong một số trường hợp không nhất thiết phải chờ cấp dưới đề nghị mới khen thưởng.

7. Khi xét khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

Điều 4. Nhiệm vụ và nội dung thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

1. Công tác thi đua, khen thưởng nhằm ghi nhận, đánh giá thành tích thi đua của các tập thể và cá nhân trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển của địa phương.

2. Công tác khen thưởng phải gắn liền với kết quả đạt được trong các phong trào thi đua, khắc phục tình trạng khen thưởng tràn lan mất cân đối giữa các lĩnh vực và các đơn vị. Khen thưởng phải đúng đối tượng, chính xác, kịp thời, có tác dụng động viên và nêu gương. Để khắc phục tình trạng xin, cho trong khen thưởng cần chú trọng thực hiện việc cấp trên chủ động xem xét, đánh giá và khen thưởng thành tích cho các cá nhân, đơn vị trực thuộc. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân phát hiện những trường hợp có thành tích xứng đáng phải có trách nhiệm báo cáo thành tích và kết quả cho cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua và công tác khen thưởng của Huyện.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Huyện có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Huyện ủy và Ủy ban nhân dân Huyện về công tác thi đua, khen thưởng. Phòng Nội vụ (cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Huyện) tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của Huyện, triển khai các quy định về thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình, thực tế của địa phương; đề xuất đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của Huyện.

3. Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, cơ quan và đơn vị thuộc phạm vi quản lý; chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, Công ty trên địa bàn Huyện có trách nhiệm tham mưu giúp Thủ trưởng tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi quản lý; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Huyện trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của tổ chức mình phối hợp với các cơ quan của Nhà nước để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng, kiến nghị bổ sung sửa đổi những bất hợp lý về chính sách khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin tuyên truyền

Đề nghị các cơ quan thông tin tuyên truyền trên địa bàn Huyện thực hiện tuyên truyền các phong trào thi đua, công tác khen thưởng, phổ biến những kinh nghiệm, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trong phong trào thi đua và phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

2. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

3. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

a) Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi ban, ngành, đoàn thể Huyện, công ty, xã, thị trấn, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi của Huyện, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia có thành tích xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xét tặng giấy khen hoặc đề nghị sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố khen thưởng, đề nghị cấp trên khen thưởng theo qui định.

b) Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có phạm vi của Huyện, các ban, ngành, đoàn thể Huyện, công ty, xã, thị trấn phải gửi kế hoạch tổ chức phát động và báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua gửi về Ủy ban nhân dân Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để tổng hợp, hướng dẫn xét khen thưởng.

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội

dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

3. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 9. Phương thức tổ chức phong trào thi đua

1. Đối với thi đua thường xuyên:

a) Trên cơ sở mục tiêu phấn đấu nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ổn định quốc phòng – an ninh, hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phát động phong trào thi đua yêu nước trong phạm vi toàn Huyện; thực hiện việc chia cụm, khối thi đua trực thuộc Huyện theo quy định để tổ chức ký kết giao ước thi đua với Huyện.

b) Căn cứ nội dung phong trào thi đua yêu nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phát động:

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức phát động phong trào thi đua thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó đảm bảo hình thức, nội dung thi đua cụ thể, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với điều kiện và khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị; sau khi triển khai, gửi Kế hoạch về Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Huyện (Phòng Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm tham gia đầy đủ hoạt động cụm, khối thi đua trực thuộc Huyện. Riêng ngành giáo dục và đào tạo triển khai việc tổ chức thi

đua, hoạt động cụm, khối thi đua của các trường, đơn vị sự nghiệp giáo dục theo năm học.

- Cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua trực thuộc Huyện phải xây dựng Quy chế của Cụm, Khối thi đua để hoạt động; hàng năm xây dựng Kế hoạch hoạt động Cụm, Khối trong năm; sau khi ban hành Quy chế, Kế hoạch triển khai hoạt động, gửi các văn bản này về Phòng Nội vụ để tổng hợp, theo dõi; đảm bảo việc tổ chức sinh hoạt, giao ban định kỳ theo kế hoạch đề ra, gắn với các nội dung thực hiện có tính chất tương đồng giữa các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua.

c) Đăng ký thi đua

- Các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi cơ quan, đơn vị quản lý tiến hành đăng ký các chỉ tiêu, nội dung thi đua, danh hiệu thi đua nhằm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm; tổng hợp và gửi văn bản đăng ký thi đua (chỉ tiêu thi đua và danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua cấp Thành phố, Cờ thi đua Chính phủ) về Phòng Nội vụ vào cuối tháng 02 hàng năm.

- Cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua trực thuộc Huyện tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị thành viên trong cụm, khối, phấn đấu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua và danh hiệu thi đua đã đăng ký; gửi Văn bản đăng ký thi đua (chỉ tiêu thi đua và tổng hợp đăng ký danh hiệu thi đua) của cụm, khối thi đua về Phòng Nội vụ trước ngày 10 tháng 3 hàng năm.

- Phòng Nội vụ tổng hợp, theo dõi đăng ký thi đua đối với các cụm, khối thi đua, các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ký, ban hành văn bản đăng ký danh hiệu thi đua từ cấp Thành phố trở lên (Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua cấp Thành phố, Cờ thi đua của Chính phủ) gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

d) Trên cơ sở kế hoạch triển khai phong trào thi đua yêu nước tại cơ quan, đơn vị, địa phương, định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm (hàng quý đối với cơ quan, đơn vị; 6 tháng đối với cụm, khối) các cơ quan, đơn vị, cụm, khối thi đua báo cáo cho Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo và làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thi đua năm. Trong quá trình thực hiện phong trào cần chú trọng việc chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra;

nâng cao vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua; việc phát hiện điển hình tiên tiến phải làm nhiệm vụ trọng tâm trong phong trào thi đua. Kết thúc phong trào gắn với năm công tác, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cụm trường, khối trường các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng theo quy định.

2. Đối với thi đua chuyên đề:

Căn cứ tình hình thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phát động phong trào thi đua theo chuyên đề trong một thời gian nhất định nhằm phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất hoặc thiết thực chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, đảm bảo xác định chủ đề, tên gọi phong trào dễ nhớ, dễ tuyên truyền và dễ thực hiện, nội dung thi đua bám sát với nhiệm vụ trọng tâm theo từng giai đoạn, giải pháp thực hiện, phù hợp với tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương (gửi Phòng Nội vụ theo dõi, tổng hợp). Thực hiện sơ, tổng kết phong trào theo kế hoạch, căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu thi đua, đơn vị phát động phong trào bình xét khen thưởng theo quy định.

Điều 10. Tổ chức đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua

1. Đối với Cụm, Khối thi đua trực thuộc Huyện:

Kết thúc năm, các đơn vị thành viên gửi bảng chấm điểm thi đua về cụm trường, khối trường các cụm, khối thi đua để làm cơ sở bình xét thi đua. Căn cứ kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thành viên và trên cơ sở chấm điểm của các sở, ban, ngành Thành phố đối với ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện hoặc trên cơ sở ban, ngành, đoàn thể Huyện chấm điểm đối với các xã, thị trấn, Cụm trường, Khối trường các cụm, khối thi đua tổ chức họp, đánh giá, chấm điểm kết quả giao ước thi đua đã thực hiện trong năm và bình xét thi đua, khen thưởng, bình bầu đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối thi đua; mời Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Huyện phụ trách cụm, khối cùng tham dự. Thời gian gửi hồ sơ tổng kết hoạt động cụm, khối thi đua (báo cáo tổng kết, biên bản họp, văn bản đề nghị khen thưởng các tập thể tiêu biểu xuất sắc) về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

2. Đối với các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện, Công ty, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

a) Trên cơ sở tiêu chí, thang điểm thi đua theo quy định của Huyện, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện, xã, thị trấn, công ty phải thực hiện việc tự chấm điểm, xếp loại thi đua cho cơ quan, đơn vị và gửi về Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Huyện (Phòng Nội vụ) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

b) Các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện cần xây dựng và phổ biến công khai các nội dung, tiêu chí, thang điểm đối với các xã, thị trấn thuộc các lĩnh vực chuyên môn do cơ quan, đơn vị phụ trách, với thang điểm chấm thống nhất là 100 điểm; riêng các ban, ngành, đoàn thể Huyện có chia cụm thi đua đối với tổ chức cơ sở trực thuộc tại các xã, thị trấn (tương ứng với cơ cấu cụm thi đua trực thuộc Huyện) thì được phép cộng thêm 5 điểm thưởng cho đơn vị dẫn đầu cụm thi đua. Sau khi có kết quả đánh giá, phân loại, chấm điểm thi đua đối với các xã, thị trấn, các ngành, đoàn thể Huyện cần thông báo đến Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện và thông báo công khai kết quả cho xã, thị trấn, trong đó cần nêu điểm hạn chế, tồn tại để xã, thị trấn biết và có sự tập trung đầu tư chỉ đạo, chấn chỉnh những mặt còn hạn chế, yếu kém trên các lĩnh vực. Thời gian thông báo trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi có thông báo, các xã, thị trấn có quyền thắc mắc, khiếu nại đối các kết quả chấm điểm của các ngành, đoàn thể Huyện và các đơn vị này có trách nhiệm giải đáp, trả lời thắc mắc (nếu có).

c) Xã, thị trấn có trách nhiệm nhận xét, đánh giá vai trò quản lý, điều hành hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện theo quy định.

Chương III

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 11. Danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua gồm có: danh hiệu thi đua đối với cá nhân, danh hiệu thi đua đối với tập thể và danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến (Chiến sĩ tiên tiến: đối với lực lượng vũ trang nhân dân), Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- Tập thể lao động tiên tiến (Đơn vị tiên tiến: đối với lực lượng vũ trang nhân dân), Tập thể lao động xuất sắc (Đơn vị quyết thắng: đối với lực lượng vũ trang nhân dân), Cờ thi đua cấp Thành phố, Cờ thi đua của Chính phủ.

- Ấp, khu phố văn hóa.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

Điều 12. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” (Chiến sĩ tiên tiến): Được xét công nhận mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm.

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

c) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên

tiên”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

đ) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

e) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

f) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

a) Được xét tặng hàng năm cho cá nhân tiêu biểu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là “Lao động tiên tiến”;

- Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét không quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị thuộc Huyện.

c) Đối với cá nhân là thủ trưởng cơ quan, đơn vị: ngoài các tiêu chuẩn tại điểm a, khoản 2 của Điều này, còn phải đảm bảo các điều kiện sau: cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua, chỉ tiêu kế hoạch năm; đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên; tổ chức đảng, đoàn thể được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

d) Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan,

tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”

a) Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với thành phố và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Thành phố xem xét, công nhận.

b) “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” được xét không quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” 03 lần liên tục của các đơn vị thuộc Huyện.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

a) Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”, trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

b) Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” lần thứ hai.

5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Được xét công nhận hàng năm vào thời điểm kết thúc năm; đối với ngành giáo dục, đào tạo được xét vào thời điểm kết thúc năm học cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Được xét công nhận hàng năm vào thời điểm kết thúc năm cho tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” theo tiêu chuẩn quy định; đối với ngành giáo dục, đào tạo được xét vào thời điểm kết thúc năm học cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét đối với các tập thể sau:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Văn phòng Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra và các Ban thuộc Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện và các đoàn thể Huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;
- Các đơn vị sự nghiệp: trường học, bệnh viện và tương đương.
- Các đơn vị sản xuất kinh doanh: hợp tác xã, doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

c) Không xét công nhận danh hiệu thi đua đối với tập thể nhỏ có số lượng dưới 3 người.

7. Danh hiệu “Cờ thi đua cấp Thành phố”

a) Được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc của Thành phố và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;
- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc Thành phố học tập;
- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

b) Đối tượng được tặng Cờ thi đua cấp Thành phố: các xã, thị trấn, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, hợp tác xã do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Thành phố tổ chức, công nhận các cụm, khối.

c) Để được xét tặng “Cờ thi đua cấp Thành phố”, tập thể tiêu biểu xuất sắc phải được công nhận thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các khối hoặc cụm thi đua do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Thành phố tổ chức.

8. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

a) Được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;
- Có nhân tố mới, mô hình mới cho cả nước học tập;
- Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng

b) “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho các tập thể trong các trường hợp sau:

- Là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc được lựa chọn trong số những tập thể đã được “Cờ thi đua cấp Thành phố”, bao gồm những tập thể dẫn đầu trong từng ngành, lĩnh vực và là những tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua toàn quốc của Thành phố.

- Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

c) “Cờ thi đua của Chính phủ” do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố

xét chọn các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất dẫn đầu các ngành, lĩnh vực trên cơ sở đề nghị “Cờ thi đua cấp Thành phố” của các đơn vị thuộc Thành phố và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

9. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

Được xét tặng cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

- Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú;
- Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;
- Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

10. Danh hiệu “ấp, khu phố văn hóa” và tương đương

Được xét tặng cho ấp, khu phố và tương đương đạt tiêu chuẩn sau:

- Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;
- Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;
- Môi trường cảnh quan sạch đẹp;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

Điều 13. Thẩm quyền xét, quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

1. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị (gồm các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện các cơ quan thuộc Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Huyện) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Tập thể lao động tiên tiến”.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ủy quyền cho Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Bệnh viện huyện Bình Chánh, Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình, Trưởng Ban Bồi thường,

giải phóng mặt bằng, Trưởng Ban Quản lý các chợ xét công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị.

c) Đối với cán bộ, công chức, nhân viên ủy nhiệm thu thuế, công an xã (bán chính quy), xã đội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động độc lập, do Giám đốc doanh nghiệp xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

- Trường hợp doanh nghiệp là thành viên của tập đoàn kinh tế, Tổng công ty (hoặc tương đương) do Giám đốc doanh nghiệp thành viên xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Trường hợp doanh nghiệp có trụ sở nằm trong các Khu công nghiệp, khu chế xuất do Giám đốc các doanh nghiệp công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

đ) Cơ quan quản lý về tổ chức, quỹ lương và người lao động chịu trách nhiệm xét công nhận các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền và trình cấp trên xét công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân. Đối với cơ quan quản lý tổ chức, quỹ lương theo hệ thống ngành dọc từ Trung ương đến cơ sở (gồm Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự, Chi cục thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội, Chi cục Thống kê, Liên đoàn Lao động,...) do cơ quan, đơn vị ngành dọc xét và công nhận các danh hiệu thi đua theo thẩm quyền.

2. Thẩm quyền quyết định tặng “Cờ thi đua của Thành phố”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét, công nhận.

3. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” do Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận; Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” do Chính phủ xét, quyết định.

4. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xét, quyết định.

5. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “ấp - khu phố văn hóa” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xét, quyết định.

Chương III

CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 14. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận); có phạm vi ảnh hưởng lớn, có tác dụng nêu gương học tập trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 15. Nguyên tắc, điều kiện đề nghị xét khen thưởng

1. Khi xét khen thưởng cần căn cứ vào thành tích của các tập thể, cá nhân gắn liền với kết quả thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác được giao, thành tích phải được căn cứ từ hiệu quả trong lao động, sản xuất, kinh doanh, trong nghiên cứu, trong công tác, chiến đấu, rèn luyện và học tập; hoặc có những sáng kiến, phát minh, đề tài, tác phẩm, áp dụng những kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao.

2. Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó. Thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức khen thưởng cao, không nhất thiết phải tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau; không nhất thiết đề nghị lần khen sau phải cao hơn lần trước.

3. Trong một năm không trình hai hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho một đối tượng (trừ khen thưởng đột xuất), bao gồm: Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương các loại, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

4. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung. Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ, kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

5. Mốc thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo là thời gian tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước đến thời điểm trình khen thưởng lần sau.

Điều 16. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn, thẩm quyền khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước

1. Các hình thức khen thưởng

a) Huân chương (các loại);

b) Huy chương (các loại);

c) Danh hiệu vinh dự nhà nước: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

d) Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước;

đ) Kỷ niệm chương, Huy hiệu;

e) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền

Thực hiện theo quy định của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

Điều 17. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Thành phố tổ chức phát động và bình xét hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Thành phố (bao gồm: lập được thành tích cụ thể, đột xuất, gương người tốt - việc tốt; học sinh giỏi đạt giải nhất cấp Thành phố, thủ khoa các kỳ thi quốc gia, đạt giải cấp quốc gia, quốc tế; gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động từ thiện xã hội...có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi Thành phố).

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Thành phố;

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước,

có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Đối với các đơn vị thuộc Thành phố (không thuộc đối tượng công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và không được tặng Cờ thi đua hàng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố), căn cứ theo thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Việc đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng theo đợt, khen thưởng theo chuyên đề ... chỉ thực hiện khi tiến hành tổng kết chuyên đề (5 năm, 10 năm, kết thúc nhiệm kỳ), hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương. Việc khen thưởng hàng năm cho các hoạt động chuyên đề, các phong trào thi đua theo đợt, chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động phong trào; trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc mới đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch Nước tặng Huân chương các loại.

6. Đối với các đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương, đối với các tập thể không nằm trong diện tổ chức bình xét thi đua thường xuyên hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân về những thành tích đóng góp cụ thể cho Thành phố hoặc khen nhân dịp kỷ niệm truyền thống 05 năm, 10 năm, 20 năm thành lập ngành, đơn vị.

7. Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong số các tập thể, cá nhân có 02 lần liên tục được các sở, ban ngành, đoàn thể Thành phố, các quận, huyện, Tổng công ty và Công ty thuộc Thành phố tặng Giấy khen về thành tích hàng năm.

8. Ủy ban nhân dân Thành phố không tặng Bằng khen cho các tập thể hoặc cá nhân khi Thành phố tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, diễn tập.

Điều 16. Đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền tặng Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

1. Là hình thức khen thưởng vinh dự của Thành phố, khen thưởng cho người nước ngoài và các cá nhân trong và ngoài Thành phố, mỗi cá nhân chỉ được tặng một lần. Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tặng thưởng; cá nhân được tặng Huy hiệu, không kèm theo tiền thưởng.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện để xét tặng Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Đối với cá nhân trong các cơ quan, đơn vị có tổ chức bình xét thi đua hàng năm, phải có quá trình công tác, hoạt động tại Thành phố từ 10 năm trở lên và trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm đề nghị phải có ít nhất 1 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” và 01 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Đối với cá nhân không thuộc diện xét danh hiệu thi đua hàng năm, được căn cứ theo thành tích đóng góp cụ thể, nếu là người trong nước thì ngoài những đóng góp cụ thể trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm đề nghị phải được Ủy ban nhân dân Thành phố tặng 02 Bằng khen.

c) Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân: phải có những đóng góp tích cực trong vai trò nhiệm vụ của Đại biểu, phải có thời gian tham gia ít nhất 01 nhiệm kỳ đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp thành phố và ít nhất 02 nhiệm kỳ đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

d) Đối với người nước ngoài: phải có công lao đóng góp cho sự phát triển của Thành phố trên các lĩnh vực.

Điều 17. Đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền tặng Cờ truyền thống của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Được xét tặng cho những đơn vị có tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống 10 năm, 15 năm, 20 năm, 30 năm,...Cờ Truyền thống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, đơn vị được tặng một lá cờ có ghi tên đơn vị và không kèm theo tiền thưởng.

2. Đối tượng xét tặng Cờ Truyền thống gồm: Ủy ban nhân dân Huyện, các đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện và doanh nghiệp đóng trên địa bàn Huyện.

3. Tiêu chuẩn để xét tặng Cờ Truyền thống:

a) Các đơn vị thuộc diện xét danh hiệu thi đua hàng năm: trong thời điểm đề nghị tặng Cờ truyền thống phải có ít nhất 01 Cờ thi đua của Thành phố hoặc 03 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Giữa 02 lần đề nghị Cờ truyền thống phải cách nhau 10 năm.

b) Các đơn vị không có danh hiệu thi đua thì phải có ít nhất 3 Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 18. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện

1. Giấy khen để tặng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tốt được bình xét trong phong trào thi đua, lập thành tích cụ thể có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực của Huyện (học sinh giỏi đạt giải nhất các kỳ thi cấp Huyện, đạt giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng các kỳ thi cấp Thành phố trở lên, gương người tốt - việc tốt, gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động xã hội... là người trực tiếp lập thành tích, không khen thưởng huấn luyện viên trong các giải thể thao học sinh);

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực của Huyện;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp cụ thể về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Việc khen thưởng chuyên đề, các phong trào thi đua chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động phong trào, trường hợp tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng hoặc trường hợp đặc biệt xuất sắc đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch Nước tặng Huân chương các loại. Việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng theo chuyên đề chỉ thực hiện khi tiến hành sơ, tổng kết chuyên đề, theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Huyện hoặc của Thành phố.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện không xét tặng giấy khen trong khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức vào dịp tổng kết năm công tác (chủ yếu là xét danh hiệu thi đua); Riêng các đơn vị thuộc ngành dọc cấp trên quản lý (cơ quan quản lý về tổ chức, quỹ lương và nhân sự), Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện chỉ xem xét, tặng Giấy khen cho đơn vị có

thành tích xuất sắc trong hoạt động Khổi thi đua thuộc Huyện, góp phần phát triển phong trào thi đua yêu nước thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh trên địa bàn Huyện.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 19. Quy định về hồ sơ, thủ tục

Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

1. Quy định chung về tuyến trình khen thưởng

a) Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

b) Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo đợt (theo chuyên đề) chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình; trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu có tác dụng trong phạm vi Huyện, Thành phố hoặc toàn quốc thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện tặng giấy khen hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Bằng khen hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia.

2. Về thủ tục đề nghị khen thưởng

a) Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập. Hội đồng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định số lượng thành viên Hội đồng, trong đó: Chủ tịch là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Phó Chủ tịch là đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực cần thiết của cơ quan, đơn vị.

b) Kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp:

Khi xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu vinh dự Nhà nước, các thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng phải bỏ phiếu kín và có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu); Đối với các hình thức khen thưởng khác, tỷ lệ phiếu bầu phải đạt từ 50% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

c) Hội đồng xét sáng kiến:

Hội đồng xét sáng kiến của Huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định thành lập, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp hữu ích, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để công nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”. Thành phần của Hội đồng xét sáng kiến gồm các thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến và các thành viên khác (nếu cần thiết).

d) Lấy ý kiến hiệp y khen thưởng:

Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng.

Các hình thức phải lấy ý kiến hiệp y gồm: danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các đơn vị là cấp trực thuộc trực tiếp Ủy ban nhân dân Huyện (có hệ thống ngành dọc của sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố) và cá nhân là thủ trưởng của các đơn vị trên.

3. Trình tự đề nghị xét khen thưởng

a) Việc xét trình Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với tập thể, cá nhân có thành tích phải được thực hiện từ cơ sở, phải căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, kết quả đánh giá xếp loại của cán bộ, công chức, viên chức cuối năm theo quy định và kết quả đánh giá phong trào thi đua, công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị. Phòng Nội vụ tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, cụm trường, khối trường các cụm, khối thi đua, thực hiện quy trình xét khen thưởng

theo quy định và thông qua Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện theo quy chế hoạt động của Hội đồng.

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc Huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp xét, thông qua cơ quan quản lý phê duyệt, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng, trình Trung ương khen thưởng theo quy định.

c) Đối với các Cụm, Khối thi đua trực thuộc Huyện: do Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng và đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng đối với đơn vị dẫn đầu Cụm thi đua (các xã, thị trấn).

d) Đối với các doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã, thị trấn sẽ do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn khen thưởng, đề xuất Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng.

- Doanh nghiệp đóng tại khu công nghiệp thì do Ban Quản lý khu công nghiệp đề nghị Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị khen thưởng và thời gian giải quyết khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được:

a) Văn bản đề nghị khen thưởng: 02 bản chính;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng hoặc biên bản họp xét của cơ quan, đơn vị đề nghị. Trường hợp Ban Chỉ đạo, Hội đồng đề nghị khen thưởng thì phải có Biên bản họp lấy ý kiến thành viên Ban Chỉ đạo, Hội đồng: 02 bản chính;

c) Báo cáo thành tích (theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP) của tập thể, cá nhân đề nghị xét khen thưởng (phải có nhận xét, đánh giá và xác nhận thành tích của thủ trưởng quản lý trực tiếp của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo thành tích), cụ thể gồm: 02 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố, Tập thể lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân Thành phố; 06 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; 07 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Huân chương, Huy chương các loại; 09 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Chiến sĩ thi đua toàn quốc; 22 bản chính đối với hồ sơ đề nghị danh hiệu vinh dự Nhà nước. Bên cạnh đó gửi tóm tắt thành tích (kèm file) của tập thể, cá nhân khi đề nghị xét khen thưởng từ cấp Thành phố trở lên. Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Huyện, chỉ cần gửi 02 bản tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (hoặc lồng ghép nội dung tóm tắt thành tích trong danh sách đề nghị khen thưởng).

d) Báo cáo sáng kiến cải tiến, áp dụng sáng kiến cải tiến, các giải pháp, đề tài đối với hồ sơ đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp: 02 bản chính. Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài trong trường hợp đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp.

đ) Danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng: 02 bản chính. Đối với cá nhân phải thể hiện đầy đủ các thông tin về số thứ tự, giới tính, họ và tên, chức vụ - đơn vị hoặc địa chỉ, tóm tắt thành tích (trường hợp không có bản tóm tắt thành tích riêng), kết quả khen thưởng; đối với tập thể phải thể hiện các thông tin về số thứ tự, tên đơn vị, tóm tắt thành tích (trường hợp không có bản tóm tắt thành tích riêng), kết quả khen thưởng.

e) Riêng đối với các trường hợp là đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị này, hồ sơ đề nghị khen thưởng cần phải có văn bản xác nhận của cơ quan thuế về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của đơn vị tương ứng với thời gian đề nghị khen thưởng, trong đó đảm bảo các nội dung sau: Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản: phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên đối với các tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc, đột xuất, gồm 02 bộ chính:

a) Văn bản đề nghị (và ý kiến hiệp ý đề nghị khen thưởng của cơ quan quản lý nhà nước liên quan nếu có);

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp (cơ quan, đơn vị đề nghị có trách nhiệm tóm tắt thành tích cho tập thể, cá nhân được đề nghị khen

thưởng), trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

3. Thời gian nộp hồ sơ và giải quyết khen thưởng:

a) Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất: gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện), sau khi nhận đủ hồ sơ, đúng thủ tục, trong thời gian 05 ngày làm việc Phòng Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, ban hành Quyết định khen thưởng.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề: gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện), sau khi nhận đủ hồ sơ, đúng thủ tục, trong thời gian 10 ngày làm việc Phòng Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, ban hành Quyết định khen thưởng.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (tổng kết năm): gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm. Riêng ngành giáo dục và đào tạo, gửi hồ sơ về Phòng Nội vụ trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

b) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng và đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước:

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề: gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện), sau khi nhận đủ hồ sơ và các văn bản hướng dẫn cấp Thành phố (nếu có), trong thời gian 07 ngày làm việc, Phòng Nội vụ tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, đề nghị khen thưởng theo yêu cầu của sở, ngành Thành phố có liên quan.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (tổng kết năm): gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm; sau khi tổng hợp, thẩm định, trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện, Phòng Nội vụ hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm đối với hồ sơ đề nghị cấp Thành phố và trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước; riêng ngành giáo dục và đào tạo trước ngày 30 tháng 8 hàng năm.

4. Thông báo về kết quả khen thưởng

a) Các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho đơn vị trình khen biết.

b) Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền khen thưởng quyết định), cơ quan thẩm định phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, cơ quan thẩm định thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

5. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ đề nghị khen thưởng và kết quả khen thưởng đạt được theo quy định của Luật Lưu trữ để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư khiếu nại hoặc xác nhận cho các đối tượng được khen thưởng khi có yêu cầu.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 21. Nguồn, mức trích và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn hình thành, mức trích, sử dụng quỹ thi đua khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67, 68 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính, Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 22. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

3. Việc sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số

71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Điều 23. Mức tiền thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo các quy định từ Điều 70 đến Điều 76, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính.

2. Trong một số trường hợp để kịp thời động viên khen thưởng đột xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện có thể quyết định mức thưởng cụ thể trên cơ sở cân đối từ nguồn quỹ thi đua, khen thưởng của Huyện đối với tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, khắc phục khó khăn, lập được thành xuất sắc đột xuất, góp phần bảo vệ tài sản, tính mạng của người dân trên địa bàn Huyện.

3. Không chi tiền thưởng đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng về thành tích đóng góp, ủng hộ trong các cuộc vận động ủng hộ đồng bào thiên tai, đóng góp công tác từ thiện xã hội,...

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 24. Xử lý vi phạm trong công tác khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân được khen thưởng có hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng sẽ bị xử lý theo Điều 80, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng sẽ bị xử lý theo Điều 81, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 25. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 81, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 26. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Chương VII
CÔNG TÁC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN, NGHI THỨC TRAO TẶNG
CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, DANH HIỆU THI ĐUA
VÀ NHÂN RỘNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

Điều 27. Công tác thông tin tuyên truyền

1. Việc nhân rộng điển hình tiên tiến phải được quán triệt sâu sắc và được tổ chức thực hiện thường xuyên nhằm góp phần thúc đẩy phong trào thi đua phát triển sâu rộng.

2. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện phối hợp Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thanh, Bản tin Bình Chánh tổ chức thông tin tuyên truyền, giới thiệu, biểu dương những nhân tố tích cực, gương “người tốt, việc tốt” tiêu biểu, những điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng của quần chúng và các trường hợp được khen thưởng.

Điều 28. Nghi thức trao tặng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

1. Việc tổ chức nghi thức trao tặng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua được quy định tại Điều 25, Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ phải đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, có tác dụng động viên, giáo dục nêu gương, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

2. Không tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp cao riêng, kết hợp tổ chức cùng với các Lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của ngành, đơn vị, địa phương.

3. Nghi thức công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ phải được thực hiện theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Chỉ công bố, trao tặng và đón nhận một lần đối với mỗi quyết định khen thưởng, không tổ chức diễu hành hoặc đón rước từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác; trao tặng từ hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua từ thứ bậc cao đến thứ bậc thấp. Trường hợp cùng một hình

thức khen thưởng thì trao tặng cho tập thể trước, cá nhân sau; trao tặng trước, truy tặng sau.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Huyện.

Điều 30. Ban Chỉ đạo thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” Huyện căn cứ vào các tiêu chuẩn cụ thể do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành để tham mưu các hình thức khen thưởng liên quan trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hàng năm theo quy định.

Điều 31. Các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn Huyện căn cứ hướng dẫn của cấp trên và vận dụng Quy định này thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; đồng thời tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, nhân rộng gương điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

Điều 32. Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể Huyện, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn căn cứ Quy định này để triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Văn Quận

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2015/QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 30 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức
và hoạt động của Bệnh viện huyện Nhà Bè****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện - quận, phường; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện - quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT ngày 21 tháng 01 năm 2008 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Cấp cứu, Hồi sức tích cực và Chống độc;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định 18/2014/QĐ-UBND sửa đổi trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Quyết định 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011.

Xét ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Công văn số 241/PTP ngày 21 tháng 9 năm 2015 và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 445/TTr-PNV ngày 23 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 5 Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Nhà Bè ban hành kèm theo Quyết định 262/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, cụ thể như sau:

- a) Khoa Khám bệnh;
- b) Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc;
- c) Khoa Nội tổng hợp;
- d) Khoa Ngoại tổng hợp;
- đ) Khoa Phụ sản;
- e) Khoa Nhi
- g) Khoa Y học dân tộc;
- h) Khoa Chuẩn đoán hình ảnh (X quang, Siêu âm, nội soi);
- i) Khoa Xét nghiệm (Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh);
- k) Khoa Dược;
- l) Khoa Chống nhiễm khuẩn;
- m) Liên chuyên khoa Tai - Mũi - Họng, Răng - Hàm - Mặt, Mắt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký ban hành, là bộ phận không tách rời của Quyết định số 262/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Nhà Bè.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Tư pháp, Giám đốc Bệnh viện huyện Nhà Bè và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4675/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu
tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Cô Giang và một phần
phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-

UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 6790/QĐ-UB-QLĐT ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Quận 1;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3017/TTr-SQHKT ngày 27 tháng 8 năm 2015 về trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Cô Giang và một phần phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Cô Giang và một phần phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc phường Cô Giang và một phần phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông Nam giáp: rạch Bến Nghé.

+ Phía Tây Bắc giáp: phường Phạm Ngũ Lão và phường Nguyễn Cư Trinh với ranh là đường Trần Hưng Đạo.

+ Phía Tây Nam giáp: phường Cầu Kho với ranh đường Trần Đình Xu

+ Phía Đông Bắc giáp: phần còn lại của phường Cầu Ông Lãnh với ranh là đường Nguyễn Thái Học.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 46,15 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu dân cư hiện hữu, có bổ sung một số khu vực cải tạo, chỉnh trang với chức năng hỗn hợp nhằm đảm bảo bố trí đầy đủ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp.

2. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch: Ủy ban nhân dân Quận 1 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 1).

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Thành.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch:

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu;
- Thành phần bản vẽ bao gồm:
 - + Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch chung Quận 1;
 - + Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

5.1. Dự báo quy mô dân số: 36.000 người (dân số hiện trạng khoảng 35.998 người - theo tài liệu khảo sát năm 2012).

5.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

ST T	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m ² /người	≥ 12,14
B	Chỉ tiêu đất các đơn vị ở	m ² /người	Từ: 10,5 Đến: 11,0
	Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình toàn khu quy hoạch	m ² /người	
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong đơn vị ở		
	- Đất các nhóm nhà ở	m ² /người	Từ: 5,0 Đến: 6,0
	- Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở)	m ² /người	0,4 - 0,7 (nghiên cứu thêm để đáp ứng chỉ tiêu)
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi, sân bãi TĐTT)	m ² /người	≥ 0,5
	- Đất công trình dịch vụ đô thị khác cấp đơn vị ở. Trong đó: + Trạm y tế. + Chợ. + Trung tâm TĐTT (luyện tập). + Điểm sinh hoạt văn hóa (nếu có)	m ² /người m ² m ² /người hoặc ha/công trình	(sẽ nghiên cứu, đề xuất cụ thể trong giai đoạn lập bước đồ án)

	+ Trung tâm hành chính cấp phường (nếu có)	m ²	
	+ Trung tâm dịch vụ khác... (nếu có).	m ²	
		m ²	
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	km/km ²	10,1 - 11,0
D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Đất giao thông tính đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	≥ 13
	Tiêu chuẩn cấp nước	Lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn thoát nước	Lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2000-2500
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,0 - 1,3

6. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản về phân khu chức năng, kiến trúc, kết nối hạ tầng trong khu vực quy hoạch:

- Trên cơ sở định hướng phát triển không gian và định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại từng khu vực theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Quận 1 và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt và các QCXD Việt Nam, các Quy định về quản lý kiến trúc đô thị hiện hành để xác định các khu chức năng, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị phù hợp tại từng khu chức năng, từng ô đường;

- Nội dung nghiên cứu của đồ án cần đáp ứng yêu cầu theo định hướng các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; mạng lưới giao thông được tổ chức và kết nối theo tầng bậc, được cập nhật và đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng, các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trong phạm vi khu vực quy hoạch; kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (hoặc quy hoạch phân khu) tiếp giáp khu vực quy hoạch, phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Quận 1 và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt.

- Ưu tiên bố trí các công trình cao tầng dọc các trục giao thông chính có động lực phát triển (dọc trục đại lộ Võ Văn Kiệt, Nguyễn Thái Học, Trần Hưng Đạo). Bố trí các cụm công trình có chức năng dịch vụ - thương mại (cao tầng) tại các khu vực trung tâm.

- Xác định ranh các đơn vị ở phù hợp, trong đó có trung tâm cấp đơn vị ở và các nhóm ở theo từng loại hình nhà ở (thấp tầng, cao tầng); các đơn vị ở cần được nghiên cứu xác định với quy mô dân số và cơ cấu sử dụng đất phù hợp (đường giao thông

chính đô thị không chia cắt đơn vị ở); các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, sân chơi - thể dục thể thao v.v... đảm bảo bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở và các đơn vị ở phù hợp với QCVN 01:2008/BXD.

- Nội dung nghiên cứu quy hoạch cải tạo chỉnh trang tại các khu dân cư hiện hữu ổn định, cải tạo chỉnh trang theo hướng tránh gây xáo trộn lớn đến cuộc sống của cộng đồng dân cư. Tại các khu vực tái thiết đô thị (khu dân cư hiện hữu cần phá bỏ để xây dựng mới) cần ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ, bên cạnh việc cần có chính sách hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng phù hợp, khuyến khích người dân hợp tác đầu tư vào những dự án đầu tư xây dựng nhóm nhà ở tập trung nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng sử dụng đất và thay đổi dần bộ mặt đô thị theo hướng chuyển đổi mô hình ở từ thấp tầng thành cao tầng, giảm mật độ xây dựng, nâng tầng cao, tạo quỹ đất cho các công trình phúc lợi công cộng và cây xanh, cải thiện, nâng cao điều kiện - môi trường sống cho cộng đồng dân cư. Khu vực tiếp giáp rạch Bến Nghé, cần phát huy ưu thế địa hình sông nước, tạo không gian mở hài hòa với cảnh quan chung tại khu vực; các công trình cao tầng được bố trí lùi dần phía sau theo nguyên tắc cao dần về phía bên trong so với sông, kênh, rạch.

- Công viên cây xanh: tận dụng diện tích công viên cây xanh hiện có dọc đại lộ Võ Văn Kiệt kết hợp khai thác cảnh quan dọc rạch Bến Nghé, tổ chức mảng xanh kết hợp mặt nước tạo không gian thông thoáng, vi khí hậu tốt, thuận lợi cho người dân tiếp cận sử dụng; đảm bảo được diện tích cây xanh tập trung tối thiểu cho khu vực quy hoạch được cân đối từ các dự án.

7. Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; và lồng ghép trong quy hoạch các giải pháp nhằm thích nghi, giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu, không gây ngập úng trong khu vực quy hoạch. Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi

trường.

8. Hồ sơ sản phẩm của đề án, tiến độ và tổ chức thực hiện:

8.1. Danh mục, hồ sơ sản phẩm của đề án (17 bộ):

- Thuyết minh tổng hợp;
- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000;
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000;
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;
 - + Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện chiếu sáng;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;
 - + Bản đồ hiện trạng môi trường.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2.000 (có thể hiện sơ đồ thu nhỏ xác định ranh các đơn vị ở trên bản vẽ này);
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000;
- Bản đồ quy hoạch giao thông;
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (*tùy theo nội dung và quy mô đề án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông*);
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:
 - + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;

- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật;
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000;
- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 bao gồm thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu.

8.2. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

a) Tiến độ thực hiện:

- Thời gian lập, trình thẩm định đồ án: chậm nhất tháng 11 năm 2015.
- Thời gian phê duyệt đồ án: chậm nhất tháng 12 năm 2015.

b) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân Quận 1 (chủ đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 1).
- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Sài Thành.
- Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Các điểm lưu ý khi nghiên cứu, lập đồ án quy hoạch phân khu:

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: nội dung nghiên cứu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cần giữ gìn tính chất đặc thù, phát huy được bản sắc, đồng thời xác định các khu vực dọc rạch Bến Nghé, khu vực có kiến trúc cảnh quan đặc thù (khu biệt thự, nhà liên kế có khoảng lùi, dãy nhà cổ Bến Chương Dương...) để có kế hoạch lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, thiết kế đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị khu vực cụ thể (Quy chế cấp 2) theo Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị và Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, làm cơ sở quản lý xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch.

- Tại các khu dân cư hiện hữu, cần xác định rõ các khu vực, phạm vi được áp dụng Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của

Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố (các Quyết định này được xem như là tiêu chuẩn thiết kế áp dụng tại Thành phố); trên cơ sở chức năng sử dụng đất hiện trạng và định hướng tổ chức phát triển không gian kiến trúc tại từng khu vực để áp dụng các Quyết định nêu trên trong nội dung nghiên cứu lập đề án quy hoạch, không áp dụng tràn lan trong phạm vi quy hoạch. Tại các khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp cần xác định cơ cấu, tỷ lệ các chức năng sử dụng đất (ưu tiên dành quỹ đất để bố trí công trình công cộng, cây xanh), quy mô dân số để cân đối, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho phù hợp trong phạm vi quy hoạch.

- Về bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật: trong phạm vi đề án cần nghiên cứu bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phục vụ cho khu vực quy hoạch và cấp đô thị, phù hợp với định hướng quy hoạch chung Quận 1.

- Quy hoạch hệ thống đường giao thông phù hợp với tính chất là một khu đô thị hiện hữu cải tạo, chỉnh trang và xây dựng mới, kết nối đồng bộ theo tầng bậc, đồng thời cải tạo mở rộng các tuyến đường hiện hữu cho phù hợp mạng lưới giao thông theo quy hoạch chung Quận 1 và tỷ lệ giao thông theo quy chuẩn xây dựng, song song với việc nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

- Căn cứ vào định hướng phân khu chức năng và phát triển không gian, cảnh quan kiến trúc, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cần xác định các khu vực, quỹ đất phù hợp để xây dựng nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, trong phạm vi quy hoạch để đáp ứng nhu cầu theo chương trình phát triển nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ trên địa bàn Thành phố.

- Tại các khu vực ven kênh quy hoạch, cần lưu ý tuân thủ về chi giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cần lưu ý tiếp thu, ghi nhận và giải trình các ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư có liên quan đến đề án quy hoạch (theo quy định của pháp luật về thực hiện

dân chủ cơ sở) để có giải pháp quy hoạch phù hợp, khả thi.

- Căn cứ các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Thành phố, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ địa phương và trên cơ sở định hướng phát triển đô thị theo từng giai đoạn, các chương trình, công trình trọng điểm của Thành phố, quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch - kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành - lĩnh vực; cần xác định các phân kỳ thực hiện, có dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư trong phạm vi quy hoạch để làm cơ sở tổ chức thực hiện quy hoạch. Đây cũng là cơ sở để các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư thực hiện việc giám sát trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Nội dung hồ sơ, hình thức, quy cách thể hiện bản vẽ đồ án cần thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị. Tầng cao công trình cần được xác định theo QCVN 03:2012/BXD.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch-Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 1 và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu, các số liệu đánh giá hiện trạng tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Cô Giang và một phần phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1.

Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Quận 1 cần tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trong thời hạn theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Cô Giang và một phần phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Thủ trưởng các

Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cô Giang-Quận 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6747/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 30 tháng 9 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Về bãi bỏ Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2015 về thành lập Văn phòng đăng ký đất đai thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 842/QĐ-TNMT-VP ngày 30 tháng 6 năm 2015 về thành lập Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các Quận, Huyện trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tại Công văn số 2476/TNMT ngày 25 tháng 9 năm 2015 và của Trưởng phòng Nội vụ quận Bình Tân tại Tờ trình số 1329/TTr-NV ngày 29 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Tài nguyên và Môi trường quận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Huỳnh Văn Chính**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8056/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 01 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về việc bãi bỏ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2011
của Ủy ban nhân dân quận ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ
của các cơ quan, tổ chức thuộc quận Gò Vấp****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ đầu đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành (trong kỳ hệ thống hóa 31 tháng 12 năm 2013);

Căn cứ Quyết định số 6185/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bãi bỏ Quyết định số 93/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế (Mẫu) công tác văn thư, lưu trữ cơ quan;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 657/TTr-PNV ngày 29 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức thuộc quận Gò Vấp.

Điều 2. Việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Quy chế công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn quận Gò Vấp thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn xây dựng Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức.

Điều 3. Giao Trưởng phòng Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6203/QĐ-UBND

Hóc Môn, ngày 02 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về việc bãi bỏ văn bản Quy phạm pháp luật
do Hội đồng nhân dân huyện ban hành****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 610/TTr-TP ngày 24 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 23 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn ban hành (*danh mục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Lê Tuấn Tà**

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN BAN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 6203/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
1	Nghị quyết	01/2006/NQ-HĐND Ngày 25/7/2006	Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2005	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
2	Nghị quyết	02/2006/NQ-HĐND Ngày 25/7/2006	Về việc thông qua đơn giá đất để tính bồi thường hỗ trợ đối với dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ 60, Hương lộ 70 và đường Nguyễn Thị Sóc	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
3	Nghị quyết	03/2006/NQ-HĐND Ngày 25/7/2006	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
4	Nghị quyết	01/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
5	Nghị quyết	02/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn năm 2007	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
6	Nghị quyết	03/2006/NQ-HĐND	Về phân loại đơn vị hành chính xã - thị	Ngày ban hành Quyết	Cơ quan ban hành

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
		Ngày 19/12/2006	trần thuộc huyện Hóc Môn	định bãi bỏ văn bản	kết thúc hoạt động
7	Nghị quyết	04/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2007	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
8	Nghị quyết	05/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (từ năm 2006-2010) định hướng đến năm 2020	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
9	Nghị quyết	15/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn năm 2008	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
10	Nghị quyết	16/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về thực hiện cơ chế hành chính huyện Hóc Môn	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
11	Nghị quyết	17/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về phân loại đơn vị hành chính huyện Hóc Môn	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
12	Nghị quyết	18/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về danh mục đầu tư xây dựng và sửa chữa năm 2007-2008	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
13	Nghị quyết	19/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách năm 2008	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
14	Nghị quyết	20/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Thông qua nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch chung huyện Hóc Môn đến năm 2020	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
15	Nghị quyết	21/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về thẩm quyền quyết định việc sửa chữa, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, thanh lý tài sản Nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
16	Nghị quyết	22/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về việc sử dụng nguồn kinh phí dự phòng	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
17	Nghị quyết	23/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về việc phê chuẩn bổ sung kinh phí sửa chữa trường lớp	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
18	Nghị quyết	24/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về danh mục công trình trọng điểm tập trung thực hiện năm 2008	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
19	Nghị quyết	46/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008 của huyện Hóc Môn	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
20	Nghị quyết	47/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
21	Nghị quyết	48/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về bổ sung dự toán ngân sách năm 2008	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
22	Nghị quyết	49/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về sắp xếp, bố trí lại kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
23	Nghị quyết	50/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về bổ sung danh mục đầu tư xây dựng và sửa chữa năm 2008 nguồn vốn ngân sách thành phố cấp vốn cho huyện	Ngày ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng